| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CÀNG LONG**<br>**TỈNH TRÀ VINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 15/2021/HN-ST
Ngày: 29/3/2021
V/v "Tranh chấp về ly hôn và quyền nuôi con"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG TỈNH TRÀ VINH**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Sa Rên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thành Công
2. Bà Nguyễn Thị Diệu Trang

***-Thư ký phiên tòa:*** Ông Thạch Ươn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Văn Tính – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2021/TLST-HN, ngày 02 tháng 02 năm 2021. Về "Tranh chấp về ly hôn và quyền nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐXXST-HN ngày 11 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Chị Đoàn Thị A, sinh năm 1990. Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

*Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1986. Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đoàn Thị A trình bày:* Chị với anh Nguyễn Văn P kết hôn là do làm mai mối, được gia đình hai bên đồng ý đi đến hôn nhân tổ chức lễ cưới vào năm 2008. Hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Sau khi cưới thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2010 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau từ đó vợ chồng thường

xuyên cự cãi, gia đình sống không hạnh phúc. Đến tháng 5 năm 2015, chị đã bỏ về nhà cha, mẹ ruột sống và vợ chồng đã ly thân với nhau cho đến nay. Về con chung: có hai người gồm: Nguyễn Thị N, sinh ngày 19/3/2009 và Nguyễn Thị H, sinh ngày 11/9/2012, hiện đang sống với anh P. Về tài sản chung: Qúa trình chung sống vợ chồng không có tạo lập tài sản chung. Về nợ chung: vợ chồng không có thiếu nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng.

Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hàn gắn không hạnh phúc nên chị A yêu cầu được ly hôn với anh P. Về con chung: tùy theo nguyện vọng của con sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, nếu các con sống với chị thì chị đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng, về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết

*Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Nguyễn Văn P trình bày:* Anh với chị A kết hôn do làm mai mối được gia đình hai bên đồng ý nên đi đến hôn nhân vào năm 2008, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc cho đến năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau đến khoảng giữa năm 2015 thì chị A bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng đã ly thân nhau cho đến nay. Nay, anh không còn tình cảm gì với chị A, hàn gắn không hạnh phúc, anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị A. Về con chung: Anh P yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai người con, không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung; Về nợ chung phải thu, phải trả: Anh P xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết.

***Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long trình bày quan điểm cho rằng:*** Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm này thẩm phán đã chấp hành đúng quy định theo Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp tống đạt các văn bản tố tụng, đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn và bị đơn mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt là chưa thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung vụ án:* Vị Kiểm sát viên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, 147, 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 51, 53, 54, 55, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn

nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị A; Về quan hệ hôn nhân: cho chị A được ly hôn với anh P; Về con chung: Anh P được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai người con gồm: Nguyễn Thị H, sinh ngày 11/9/2012 và Nguyễn Thị T, sinh ngày 19/3/2009, về cấp dưỡng nuôi con: anh P không đặt ra nên không xem xét; Về tài sản chung và nợ chung phải thu phải trả: không có, không yêu cầu giải quyết đề nghị không xem xét; Về án phí: đương sự có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật, trừ trường hợp không nộp hoặc miễn nộp.

Tại phiên tòa hôm nay chị A là nguyên đơn, anh P là bị đơn; tất cả vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ. Tòa án nhân dân huyện Càng Long nhận định:

**Về tố tụng:**

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Đoàn Thị A, bị đơn anh Nguyễn Văn P vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử.

[2]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Chị Đoàn Thị A khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết việc nuôi con với anh Nguyễn Văn P. Đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Chị A có nơi cư trú (chỗ ở) tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Anh Phương có nơi cư trú (chỗ ở) tại ấp T, xã H, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Càng Long có thẩm quyền giải quyết vụ án.

**Về nội dung:**

[4]. Chị Avà anh P đều trình bày thống nhất xác lập quan hệ hôn nhân từ năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 09/10/2008 đúng quy định của pháp luật. Đây là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, từ đó xác định hôn nhân giữa chị A và anh P là hôn nhân hợp pháp.

[5]. *Xét về nguyên nhân mâu thuẫn*: Theo chị A cho rằng do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi, đến tháng 5/2015 thì chị bỏ về nhà cha, mẹ ruột sinh sống và vợ chồng đã ly

thân nhau cho đến nay; Anh P thì cho rằng nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau tính tình nên vợ chồng thường xuyên cự cãi. Nay, chị A và anh P đều xác nhận vợ chồng không còn tình cảm với nhau và đều có nguyện vọng được ly hôn; điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị A và anh P là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Sự tự nguyện thuận tình ly hôn của chị A và anh P phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cho chị A và anh P được ly hôn với nhau.

[6]. *Về con chung*: có hai người gồm: Nguyễn Thị T, sinh ngày 19/3/2009 và Nguyễn Thị H, sinh ngày 11/9/2012, hiện cả hai cháu đang sống chung với anh P. Nguyện vọng của cháu T, cháu H mong muốn được sống chung với anh P nếu cha mẹ sống ly hôn với nhau. Tại biên bản lấy lời khai anh P yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con. Xét về điều kiện kinh tế thì anh P và gia đình đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con. Tại biên bản ghi lời khai chị A thống nhất cho anh P được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con. Từ đó nghĩ nên giao cho anh P được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị H và cháu Nguyễn Thị T sau khi ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Chị A có quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

[7]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Anh Nguyễn Văn P chưa đặt ra để yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[8]. *Về tài sản chung*; Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị A và anh P xác nhận không có, không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9].*Về án phí*: Theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh P không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; 227; 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, 53, 54, 55, 58, 81,82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị A.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đoàn Thị A và anh Nguyễn Văn P được ly hôn.

- *Về con chung*: Anh Nguyễn Văn P được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Nguyễn Thị T, sinh ngày 19/3/2009 và Nguyễn Thị H, sinh ngày 11/9/2012

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: anh Nguyễn Văn P chưa có yêu cầu nên không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- *Về tài sản chung; Về nợ chung phải thu, phải trả*: Chị Đoàn Thị A và anh Nguyễn Văn P xác nhận không có, không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: chị Đoàn Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004091, ngày 28/01/2021 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Càng Long thu, chị Đoàn Thị A đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Nguyễn Văn P không phải nộp án phí.

**2.** Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".*

Nơi nhận **:**
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS huyện Càng Long;
- Chi cục THADS;
-UBND xã Bình Phú, Huyền Hội*;*
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Huỳnh Sa Rên**